

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **120/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 15/7/2022

“V/v Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoàn.

Bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Ngọc Anh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Thù - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 10/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2022, về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2022/QĐ-ST ngày 27 tháng 6 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn Cống Khê, xã Kim Khê (nay là xã KL), huyện KT, tỉnh Hải Dương (đề nghị xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Quỳnh Tr**, sinh năm 1988

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Cống Khê, xã Kim Khê (nay là xã KL), huyện KT, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Nhật Bản (vắng mặt).

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Tiến H,

Địa chỉ: Thôn Dưỡng Mông, xã NP, huyện KT, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

- *Về quan hệ vợ chồng*: Anh và chị Nguyễn Thị Quỳnh Tr được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kim Khê (nay là xã KL), huyện KT, tỉnh Hải Dương vào ngày 24/8/2011, sau khi kết hôn, vợ chồng anh ở cùng bố mẹ anh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do trong cuộc sống mẹ anh và chị Tr thường xảy ra mâu thuẫn, chị Tr muốn xây nhà ra ở riêng nhưng điều kiện kinh tế chưa cho phép nên anh đề nghị chị Tr cho anh 02 năm để làm ăn phát triển kinh tế, sau đó sẽ xây nhà, chị Tr không đồng ý dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi vã. Đến tháng 10/2018, chị Tr tự ý sang Nhật Bản xuất khẩu lao động, kể từ đó vợ chồng càng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Chị Tr đi làm 03 năm hết hạn hợp đồng nhưng vẫn không muốn về nước, anh cũng đã khuyên chị Tr về để vợ chồng vun vén cho gia đình nhưng chị Tr không nghe. Gia đình hai bên có biết về mâu thuẫn của vợ chồng anh, có can thiệp hòa giải nhưng không có kết quả. Nhận thấy vợ chồng xa cách nhau đã lâu, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Tr.

- *Về con chung*: Anh và chị Tr có 02 con chung là Nguyễn Đức M, sinh ngày 13/5/2012 và Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 05/01/2014, hiện các cháu đang ở cùng anh và bố mẹ anh, các cháu đều có nguyện vọng muốn được tiếp tục ở cùng anh. Anh hiện đang làm Tổ trưởng - Tổ cơ khí ở Công ty Cổ phần thép Hòa Phát, địa chỉ: phường Hiệp Sơn, thị xã KM, tỉnh Hải Dương, thu nhập ổn định, trung bình khoảng 14-15 triệu đồng/tháng. Bố mẹ anh có nhiều thời gian rảnh rỗi, hàng ngày hỗ trợ anh trong việc chăm sóc con cái. Do đó, để ổn định cuộc sống cũng như học tập của các con, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu chị Tr phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án do anh T không cung cấp được địa chỉ của chị Tr tại Nhật Bản nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã xác minh qua gia đình chị Tr, đồng thời yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của chị Tr. Ông Nguyễn Tiến H là bố đẻ chị Tr xác định: Chị Tr hiện làm ăn, sinh sống tại Nhật Bản nhưng ông không biết địa chỉ cụ thể của chị Tr nên không

cung cấp được cho Tòa án. Tại buổi làm việc ngày 17/6/2022, chị Tr đã gọi Zalo có hình ảnh trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của anh T trước sự chứng kiến của ông H như sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Về thời điểm kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng như anh T trình bày cơ bản là đúng. Anh T muốn chị về nước nhưng khi đó đang có dịch covid nên chị không về nước được, chị có trao đổi với anh T chờ chị 1-2 năm nữa hết hạn hợp đồng chị sẽ về nhưng anh T không nghe và làm đơn xin ly hôn với chị. Khi làm đơn xin ly hôn anh T không gọi điện trao đổi với chị, không xin địa chỉ của chị. Quan điểm của chị không nhất trí ly hôn theo yêu cầu của anh T.

- Về con chung: Chị nhất trí để anh T tiếp tục nuôi cả hai con. Anh T tự nguyện không yêu cầu chị cấp dưỡng cho con nhưng chị vẫn muốn cấp dưỡng cho con. Chị và anh T sẽ tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau này khi về nước chị và anh T sẽ thỏa thuận về việc thay đổi người nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu Tòa án gửi cho chị, đề nghị Tòa án gửi trực tiếp cho chị qua Zalo tên Mạnh Hà và không gửi cho bố mẹ chị nữa.

Tại phiên tòa:

Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn chị Tr vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị Quỳnh Tr; Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Đức M, sinh ngày 13/5/2012 và Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 05/01/2014 cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị Tr phải cấp dưỡng cho con; Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Nguyễn Văn T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết ly hôn giữa anh với chị Nguyễn Thị Quỳnh Tr. Chị Tr hiện đang sinh sống và lao động tại Nhật Bản. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Anh T không cung cấp được địa chỉ của chị Tr tại Nhật Bản. Theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu anh T và gia đình chị Tr cung cấp địa chỉ nhưng anh T và gia đình chị Tr không cung cấp được. Quá trình giải quyết vụ án, chị Tr đã điện qua Zalo xác định hiện chị đang làm việc tại Nhật Bản và có cung cấp địa chỉ của chị bằng tiếng Nhật nhưng không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền để xác định hiện chị Tr đang sinh sống tại địa chỉ đó. Do vậy, áp dụng Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục cổ tình giấu địa chỉ.

Tại phiên tòa, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Tr, ông H vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T, chị Tr, ông H.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Quỳnh Tr được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kim Khê (nay là xã KL), huyện KT, tỉnh Hải Dương vào ngày 24/8/2011 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng sống ly thân nhiều năm nay, hai bên còn không quan tâm đến nhau. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Tr. Chị Tr có quan điểm không nhất trí ly hôn theo yêu cầu của anh T, tuy nhiên không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy thực tế anh chị không chung sống cùng nhau từ nhiều năm và không còn quan tâm đến nhau, mâu thuẫn của anh T và chị Tr đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc anh T xin

ly hôn chị Tr là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Anh T và chị Tr có 02 con chung là Nguyễn Đức M, sinh ngày 13/5/2012 và Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 05/01/2014, các cháu đang cùng anh T và bố mẹ anh T và đều có nguyện vọng xin được ở cùng anh T. Anh T đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung. Chị Tr không nhất trí ly hôn, tuy nhiên chị Tr nhất trí giao cả hai con cho anh T chăm sóc nuôi dưỡng. Xét thực tế, chị Tr đang ở nước ngoài, không có mặt tại Việt Nam nên việc giao con cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp. Anh T không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh, chị Tr có nguyện vọng muốn được cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh T nhưng để chị và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét anh T có thu nhập ổn định nên cần chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị Tr phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị Tr được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Quỳnh Tr.

[2]. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Đức M, sinh ngày 13/5/2012 và Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 05/01/2014, thời gian từ tháng 7/2022 đến khi các con chung thành

niên. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn T không yêu cầu chị Nguyễn Thị Quỳnh Tr phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Chị Nguyễn Thị Quỳnh Tr có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0004684 ngày 17/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (anh T đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí).

[4]. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Chị Nguyễn Thị Quỳnh Tr vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Kim Khê (nay là xã KL), huyện KT, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Hoa